| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 507/2025/HS-ST
Ngày: 25-8-2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*- Thẩm phán:* Ông Bùi Ngọc Thạch

*- Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Mỹ;

2. Bà Phạm Đỗ Bích Quyên;

3. Bà Trần Thị Đẹp.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Thùy – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2, mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 107/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

**Võ Thành N**, sinh năm 1984, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: tổ A, ấp A, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Võ Thành H, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Hồ Thị N1, sinh năm 1948; bị cáo có vợ tên Thạch Thị S, sinh năm 1992 và 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 11 tháng 4 năm 2024 đến nay, có mặt.

*- Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Lê Thế A – Luật sư Văn phòng L và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, vắng mặt, có gửi bài bào chữa cho bị cáo.

*- Bị hại:*

1. Bà Đỗ Thị Hoa P, sinh năm 1978; nơi thường trú: 300/28, đường P, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là 300/28, đường P, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nơi ở hiện tại: số 31/91/18, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là số C, khu phố G, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Đồng Đức H1, sinh năm 1977; nơi ở hiện tại: số C, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là số C, khu phố G, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết xin vắng mặt.

3. Bà Hồ Thị Đan T, sinh năm 1981; nơi thường trú: số B, tổ D, khu G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: số 258/4/3, tổ D, khu G, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Bà Võ Thị Thanh H2, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là: Thôn A, xã B, tỉnh Nghệ An); nơi ở hiện tại: B, đường 8 tháng 3, khóm D, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là: B17, đường 8 tháng 3, khóm D, phường T, tỉnh Vĩnh Long), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thành N làm nhân viên Ngân hàng T1 (T2) chi nhánh B, địa chỉ: 221-223-225 B, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 6/2017 đến tháng 8/2022 thì nghỉ việc, N làm ăn bên ngoài bị thua lỗ và nợ tiền nhiều người nên N đã nảy sinh ý định nhận hồ sơ của khách hàng có nhu cầu vay Ngân hàng để tìm cách chiếm đoạt tài sản.

Vào đầu tháng 12/2023, thông qua ông H3 (chưa rõ lai lịch) và bà Lê N2, sinh năm 1973, nơi cư trú: Khối H, phường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An giới thiệu N làm quen với chị Đỗ Thị Hoa P, sinh năm 1978, nơi thường trú: 300/28 đường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương và chị Hồ Thị Đan T, sinh năm 1981, nơi thường trú: 258/4/3 Tổ 49, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương hỏi làm hồ sơ vay ngân hàng. Lê Na hỏi lại N và N nói cho Lê N2 biết là làm được. Chị P hỏi vay 25 tỷ đồng thế chấp 01 căn biệt thự địa chỉ: 3 khu G, Phú Thọ, T, Bình Dương, 01 nhà hàng địa chỉ: 3 khu G, Phú Thọ, T, Bình Dương. N đưa ra thông tin gian dối N là nhân viên Ngân hàng T1 và thông báo chi phí ban đầu nộp cho bên định giá là 1,5% trên tổng số tiền khoản vay vào ngày 07/01/2024 cho chị P và chị T.

Khoảng 14 giờ 30 ngày 10/01/2024, Nam đến nhà chị P địa chỉ: 3 khu G, phường P, T, Bình Dương để tư vấn cho chị P định giá nâng tổng 03 tài sản lên mức cao nhất là 59 tỷ đồng. Sau đó, N lấy điện thoại chụp hình 02 căn nhà và 01 nhà hàng của chị P để làm định giá và yêu cầu chị P chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản 6868798686 ngân hàng V chủ tài khoản là Võ Thành N do tin tưởng nên chị P đã chuyển tiền cho N. Đến ngày 15/01/2024, chị P tiếp tục chuyển tiền cho N thêm 11 lần nữa vào số tài khoản trên với số tiền 365.000.000 đồng.

Ngày 19/01/2024, chồng chị P là ông Đồng Đức H1 cũng chuyển tiền cho N 214.000.000 đồng. Ngày 17/01/2024, N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X chỉnh sửa làm giả Thông báo cho vay và Báo cáo định giá tài sản nội bộ của 02 tài sản 01 biệt thự, 01 nhà hàng gửi từ tài khoản zalo "Willi Vo" của N qua

tài khoản zalo của chị P. Đến ngày 14/3/2024, do không nhận được khế ước vay và hợp đồng tín dụng nên chị P và anh H1 đến gặp N tại quán cà phê đối diện Ngân hàng T1 (địa chỉ: B P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh) để nói chuyện và N yêu cầu chị P chuyển thêm 150.000.000 đồng để bồi dưỡng cho nhân viên tín dụng nên anh H1 đã chuyển cho N số tiền trên.

Sau khi chuyển tiền để làm hồ sơ vay 03 tài sản trên, chị P tiếp tục nhờ N làm thêm 02 hồ sơ vay, thế chấp thêm 02 căn nhà ở Trà Vinh và Tiền Giang với định giá cho vay là 14 tỷ. N tiếp tục đưa ra thông tin gian dối với chị P sẽ làm hợp đồng vay được 14.000.000.000 đồng với phí 427.000.000 đồng do tin tưởng nên chị P đã chuyển tiền cho N. N nhận tiền và hẹn 15 giờ 30 cùng ngày sẽ gửi khế ước vay và hợp đồng tín dụng cho chị P. Sau khi nhận tiền, N cắt đứt liên lạc với chị P và anh H1. Đến ngày 16/3/2024, chị P trực tiếp đến Ngân hàng T1, địa chỉ: B P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thì được biết là Võ Thành N không phải là nhân viên của Ngân hàng T1.

Cũng với thủ đoạn như trên Nam đã chiếm đoạt của chị Hồ Thị Đan T số tiền 214.000.000 đồng và bà Võ Thị Thanh H2 số tiền 720.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định N sử dụng số tài khoản 6868798686 Ngân hàng V1 (V2) và số tài khoản 068866689999 Ngân hàng Q để nhận tiền của bà Đỗ Thị Hoa P, ông Đồng Đức H1 tổng số tiền là 1.306.000.000 đồng, bà Hồ Thị Đan T tổng số tiền là 214.000.000 đồng, bà Võ Thị Thanh H2 tổng số tiền là 720.000.000 đồng.

**- Vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra:**

01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu đen

* Tại Kết luận giám định số 2288 ngày 17/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh B trích xuất dữ liệu điện tử.

* Tại Kết luận giám định số 4980 ngày 31/10/2024 của Phòng K Công an tỉnh B trích xuất giữ liệu điện tử.

**- Về trách nhiệm dân sự:**

Các bị hại Đỗ Thị Hoa P, Đồng Đức H1, Hồ Thị Đan T và Võ Thanh H2 yêu cầu bị cáo Võ Thành N hoàn trả 2.240.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Quá trình điều tra bị cáo đã hoàn trả cho bị hại Đỗ Thị Hoa P 260.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 149/CT-VKS-P2 ngày 16/5/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Võ Thành N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Võ Thành N. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra

và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Võ Thành N từ 12 (mười hai) năm tù đến 13 (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Về trách nhiệm dân sự, bị cáo Võ Thành N đã trả lại cho bà Đỗ Thị Hoa P số tiền 260.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại đơn xin vắng mặt, các bị hại bà Đỗ Thị Hoa P1, ông Đồng Đức H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.046.000.000 đồng; bà Hồ Thị Đan T yêu cầu trả lại số tiền 214.000.000 đồng; bà Võ Thị Thanh H2 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 720.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo trả lại tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại của bị cáo dùng làm phương tiện để phạm tội.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Võ Thành N là ông Lê Thế A vắng mặt tại phiên tòa; ông Lê Thế A có gửi bản luận cứ để bào chữa cho bị cáo với nội dung: Người bào chữa thống nhất về phần tội danh và điều luật mà đại diện Viện Kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo và đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường số tiền 260.000.000 đồng cho bị hại Đỗ Thị Hoa P. Bị cáo còn có cha đã hoàn thành thời gian phục vụ tại ngũ. Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rất rõ hành vi của bị cáo là sai trái, làm ảnh hưởng đến gia đình của bị hại, xin lỗi gia đình bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để có cơ hội làm việc và trả lại tiền cho các bị hại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trông tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đối với hành vi của bị cáo Võ Thành N: Hội đồng xét xử xét thấy, từ tháng 8/2023 đến tháng 4/2024, do bà Đỗ Thị Hoa P, ông Đồng Đức H1, bà Hồ Thị Đan T, bà Võ Thị Thanh H2 có nhu cầu vay vốn ngân hàng để kinh doanh, làm ăn. Thông qua bà Lê N2 và một người đàn ông tên H3, các bị hại đã biết Võ Thành N. Lúc này, Võ Thành N đưa ra thông tin gian dối rằng N là nhân viên tín dụng Ngân hàng T1 (T3) (Nam chỉ là nhân viên ngân hàng từ tháng 6/2017 đến tháng 8/2022 thì nghỉ việc) có thể làm hồ sơ vay vốn ngân hàng cho các ông, bà. N yêu cầu các bị hại chuyển tiền để thẩm định giá tài sản thế chấp và chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Hoa P và ông Đồng Đức H1 số tiền 1.306.000.000 đồng, bà Hồ Thị Đan T số tiền 214.000.000 đồng, bà Võ Thị Thanh H2 số tiền 720.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 2.240.000.000 đồng, bị cáo đã dùng trả nợ và tiêu xài cá nhân. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Võ Thành N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về mặt ý chí, do kinh doanh thua lỗ và nợ tiền nên bị cáo N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của các bị hại để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để cho các bị hại tin rằng bị cáo là ngân viên ngân hàng để chiếm đoạt số tiền 2.240.000.000 đồng của các bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với vai trò, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm có tác dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo một mức án cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 260.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại Đỗ Thị Hoa P. Bị cáo còn có cha đã hoàn thành thời gian phục vụ tại ngũ. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo phạm tội nhiều lần nên không có căn cứ để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, điều luật áp dụng và phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại bà Đỗ Thị Hoa P, ông Đồng Đức H1 yêu cầu bị cáo Võ Thành N hoàn trả lại số tiền 1.046.000.000 đồng; bà Hồ Thị Đan T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 214.000.000 đồng; bà Võ Thị Thanh H2 yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 720.000.000 đồng. Bị cáo Võ Thành N đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của các bị hại số tiền trên nên bị cáo có nghĩa vụ phải trả lại số tiền trên cho các bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 (một) điện thoại di động Iphone X màu đen, số imei 35 674008420985 8; không kiểm tra tình trạng hoạt động.

Đây là phương tiện mà Võ Thành N dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Thành N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Tuyên bố bị cáo Võ Thành N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Võ Thành N 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2024.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Thành N có trách nhiệm trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt như sau: Trả lại cho bà Đỗ Thị Hoa P và ông Đồng Đức H1 số tiền 1.046.000.000 đồng (một tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu đồng); trả lại cho bà Hồ Thị Đan T số tiền 214.000.000 đồng (hai trăm mười bốn

triệu đồng); trả lại cho bà Võ Thị Thanh H2 số tiền 720.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Iphone X màu đen, số imei 35 674008420985 8; không kiểm tra tình trạng hoạt động.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).(nay là cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).*

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Thành N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp số tiền 43.600.000 đồng (bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao (Vụ GĐKT 1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (3);
- UBND xã An Thới Đông, Thành phố Hồ Chí Minh (thay giấy báo);
- Trại tạm giam số 2 – Công an TP. HCM;
- PC01-Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Phòng GĐKT,TT&THA (2)
- Phòng Hồ sơ - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng (5)
- Lưu: VP (2), HSVA.22 (76).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thanh Tùng**